

## ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2017

### **1. Thông tin chung về trường**

#### ***1.1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ các trụ sở và địa chỉ trang thông tin điện tử của trường***

- Tên trường : Cao đẳng Cộng đồng Bình Thuận
- Địa chỉ các cơ sở:
  - + Cơ sở đào tạo chính : 205 Lê Lợi, Phan Thiết, Bình Thuận
  - + Cơ sở 2 : 186 Trần Hưng Đạo, Phan Thiết, Bình Thuận
  - + Cơ sở 3 : 38 Nguyễn Hội, Phan Thiết, Bình Thuận
- Ký túc xá : 205 Lê Lợi, Phan Thiết, Bình Thuận
- Số điện thoại : 062.3822769
- Email : [cdcdbt@btu.edu.vn](mailto:cdcdbt@btu.edu.vn)
- Địa chỉ website : <http://www.btu.edu.vn>

Trường Cao đẳng Cộng đồng Bình Thuận được thành lập trên cơ sở hợp nhất 03 đơn vị: Cao đẳng Sư phạm (trực thuộc UBND tỉnh), Trung tâm Giáo dục thường xuyên Tỉnh và Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Tôn Đức Thắng (trực thuộc Sở GD&ĐT) theo Quyết định số 5598/QĐ-BGDĐT ngày 30/8/2007.

Với mục tiêu phấn đấu là “*Giữ vững hiệu quả đào tạo vì cộng đồng*”, Trường Cao đẳng Cộng đồng Bình Thuận cam kết thực hiện sứ mệnh:

- Đảm bảo hệ thống giáo dục - đào tạo đa ngành, đa hệ, đa cấp, đa phương thức, chất lượng cao, đáp ứng nguồn nhân lực để phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh Bình Thuận và các vùng lân cận.

- Tạo cơ hội học tập thường xuyên, học tập suốt đời cho mọi đối tượng, mọi lứa tuổi; là nơi mà mọi thành viên trong cộng đồng có thể thực hiện các hoạt động học tập lành mạnh và thân thiện, vận dụng lý thuyết vào thực tiễn cuộc sống.

- Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ tiên tiến cho các doanh nghiệp và cá nhân, thông qua các hoạt động tư vấn và đào tạo nguồn nhân lực, vì sự phát triển, phồn vinh, tiến bộ của Bình Thuận và cả nước.

- Cung cấp các dịch vụ tư vấn giáo dục và đào tạo trong mọi lĩnh vực cho cộng đồng.

- Kết hợp có hiệu quả giữa đào tạo và sử dụng, đào tạo và nghiên cứu.

- Tổ chức sản xuất, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến các ngành do Trường đào tạo.

Sứ mệnh của Trường được đảm bảo thông qua các chương trình giáo dục - đào tạo do ngân sách nhà nước tài trợ và các nguồn lực khác, được tạo ra từ liên kết với các đối tác trong và ngoài nước, từ những sáng kiến tổ chức các hoạt động, dịch vụ đào tạo và nghiên cứu của Trường.

### 1.2. Quy mô đào tạo

Nhóm ngành	Quy mô hiện tại			
	ĐH		CDSP	
	GD chính quy (số NCS, số viên CH, ĐH, CĐ)	GDTX (ghi rõ số SV ĐH, CĐ)	GD chính quy	GDTX
Nhóm ngành I			429	CĐ: 78; TC: 587
Nhóm ngành II				
Nhóm ngành III				
Nhóm ngành IV				
Nhóm ngành V				
Nhóm ngành VI				
Nhóm ngành VII				
<b>Tổng</b>			<b>429</b>	<b>CĐ: 78; TC: 587</b>

### 1.3. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

1.3.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

Năm 2015, xét tuyển điểm thi THPT 2015. Ngành Giáo dục Mầm non, xét tuyển kết hợp điểm thi năng khiếu tại trường Cao đẳng Cộng đồng Bình Thuận.

Năm 2016, xét tuyển theo đề án tuyển sinh riêng bằng 02 phương thức: Xét điểm thi THPT 2016 (50% tổng chỉ tiêu); Xét điểm học bạ lớp 12 (50% tổng chỉ tiêu). Ngành Giáo dục Mầm non, xét tuyển kết hợp điểm thi năng khiếu tại trường Cao đẳng Cộng đồng Bình Thuận hoặc thi tại các trường ĐH, CĐ khác.

1.3.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất (nếu lấy từ kết quả của Kỳ thi THPT quốc gia)

Nhóm ngành/ Ngành/ tổ hợp xét tuyển	Năm tuyển sinh -2			Năm tuyển sinh -1		
	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
Nhóm ngành I - Ngành Giáo dục Mầm non (Toán, Văn, Năng khiếu; Văn, Sử, Năng khiếu)	145	90	15	111	116	12
- Ngành Giáo dục Tiểu học (Toán, Lý, Hóa; Văn, Sử, Địa; Toán, Lý, Anh; Toán, Văn, Anh)	28	29	17	75	74	11

Nhóm ngành II						
Nhóm ngành III						
Nhóm ngành IV						
Nhóm ngành V						
Nhóm ngành VI						
Nhóm ngành VII						
<b>Tổng</b>	<b>173</b>	<b>119</b>		<b>186</b>	<b>190</b>	

## 2. Các thông tin của năm tuyển sinh

### 2.1. Đối tượng tuyển sinh

- Phương án xét tuyển bằng kết quả thi THPT quốc gia năm 2017: Thí sinh tốt nghiệp THPT và có kết quả thi THPT Quốc gia năm 2017.

- Phương án xét tuyển bằng học bạ lớp 12: Thí sinh tốt nghiệp THPT.

### 2.2. Phạm vi tuyển sinh

- Xét tuyển đợt 1: Thí sinh có hộ khẩu thường trú tại vùng tuyển quy định theo thống kê nhu cầu đào tạo của Sở Giáo dục và Đào tạo Bình Thuận.

- Các đợt xét tuyển tiếp theo: Thí sinh có hộ khẩu tại tỉnh Bình Thuận.

### 2.3. Phương thức tuyển sinh

\* **Phương thức 1:** Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT quốc gia với 50% chỉ tiêu cho mỗi ngành.

Điểm xét tuyển (ĐXT) được tính theo công thức:

$$\text{ĐXT} = \text{ĐM1} + \text{ĐM2} + \text{ĐM3} + \text{KV} + \text{ĐT}$$

Trong đó:

ĐM1, ĐM2, ĐM3 là điểm thi các môn trong tổ hợp môn thi theo ngành (không có môn nào bị điểm liệt theo quy định, sử dụng điểm thi năng khiếu đối với ngành Giáo dục mầm non);

KV là điểm ưu tiên khu vực và ĐT là điểm ưu tiên đối tượng theo quy định của quy chế tuyển sinh ĐH, CĐ hệ chính quy hiện hành.

\* **Phương thức 2:** Xét tuyển dựa vào kết quả học tập lớp 12 với 50% chỉ tiêu cho mỗi ngành.

Điểm xét tuyển (ĐXT) được tính theo công thức:

$$\text{ĐXT} = \text{TBM1} + \text{TBM2} + \text{TBM3} + \text{KV} + \text{ĐT}$$

Trong đó:

TBM1, TBM2, TBM3 (điểm trung bình môn xét tuyển) là điểm trung bình lớp 12 của các môn học dùng để xét tuyển (sử dụng điểm thi năng khiếu đối với ngành Giáo dục mầm non)

KV là điểm ưu tiên khu vực và ĐT là điểm ưu tiên đối tượng theo quy định của quy chế tuyển sinh ĐH, CĐ hệ chính quy hiện hành.

Trong trường hợp có một phương thức không tuyển hết chỉ tiêu, nhà trường chuyển chỉ tiêu cho phương thức còn lại.

Đối với ngành Giáo dục mầm non: Áp dụng 02 phương thức xét tuyển trên kết hợp với thi tuyển môn năng khiếu hoặc xét tuyển thí sinh đã dự thi năng khiếu tại các trường khác. Thi tuyển môn năng khiếu được tổ chức nhiều lần nếu còn chỉ tiêu.

**2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo ngành/nhóm ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo**

TT	Ngành	Mã ngành	Chỉ tiêu	Chỉ tiêu theo PT 1	Chỉ tiêu theo PT 2
1	Giáo dục Mầm non – Hàm Thuận Bắc	51140201HTB	89	50%	50%
2	Giáo dục Mầm non – Hàm Thuận Nam	51140201HTN	20	50%	50%
3	Giáo dục Mầm non – Hàm Tân	51140201HT	6	50%	50%
4	Giáo dục Mầm non – Lagi	51140201LG	5	50%	50%
5	Giáo dục Tiểu học – Hàm Thuận Bắc	51140202HTB	22	50%	50%
6	Giáo dục Tiểu học – Hàm Tân	51140202HT	11	50%	50%
7	Giáo dục Tiểu học – Lagi	51140202LG	8	50%	50%

**2.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận ĐKXT**

- Tốt nghiệp THPT.
- Có kết quả thi năng khiếu năm 2017 đối với ngành Giáo dục Mầm non.
- Thí sinh có hộ khẩu tại vùng tuyển quy định trước ngày 01/01/2017.

**2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường: mã số trường, mã số ngành, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển...**

Trường Cao đẳng Cộng đồng Bình Thuận

Mã Trường: C47

NGÀNH/MÃ NGÀNH	MÃ TỔ HỢP	TỔ HỢP XÉT TUYỂN
Giáo dục Mầm non	M06	Toán, Văn, Năng khiếu (*)
	M05	Văn, Sử, Năng khiếu (*)
Giáo dục Tiểu học	A00	Toán, Lý, Hóa
	A01	Toán, Lý, Tiếng Anh
	C00	Văn, Sử, Địa
	D01	Toán, Văn, Tiếng Anh

(\*) Thí sinh thi năng khiếu tại Trường Cao đẳng Cộng đồng Bình Thuận hoặc tại các trường ĐH, CĐ khác, năm 2017.

**2.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo**

+ Ngày thi năng khiếu ngành Giáo dục Mầm non: đợt 1 ngày 08/7/2017. Các đợt bổ sung (nếu có) được tổ chức thi trước mỗi đợt xét tuyển theo thông báo của trường.

+ Thời gian tuyển sinh: theo lịch của Bộ GDĐT.

+ Hồ sơ đăng ký xét tuyển:

\* **Phương thức xét điểm thi THPT:** theo quy định của Bộ GDĐT

\* **Phương thức xét điểm học bạ lớp 12, hồ sơ gồm:**

1) Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu của trường (*Mẫu phiếu tải từ Website: [www.btu.edu.vn](http://www.btu.edu.vn)*)

2) Bản sao có chứng thực các hồ sơ sau:

- Học bạ THPT; Bằng tốt nghiệp THPT hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời (*nếu chưa được cấp bằng tốt nghiệp THPT*); Hộ khẩu; Giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên (*nếu có - có chứng thực*); Kết quả thi năng khiếu (đối với thí sinh thi năng khiếu tại các trường ĐH, CĐ khác)

3) 02 phong bì dán tem có ghi rõ họ tên, địa chỉ, số điện thoại liên lạc của thí sinh để Nhà trường gửi giấy báo kết quả xét tuyển hoặc giấy báo trúng tuyển, nhập học;

+ Địa điểm nhận hồ sơ:

Nhận hồ sơ ĐKXT trực tiếp hoặc qua bưu điện chuyển phát nhanh tại:

Ban tuyển sinh – Trường Cao đẳng Cộng đồng Bình Thuận.

Địa chỉ: số 205 Lê Lợi, thành phố Phan Thiết, Bình Thuận.

Điện thoại: 062.3828150 Email: [bants@btu.edu.vn](mailto:bants@btu.edu.vn)

Website: [www.btu.edu.vn](http://www.btu.edu.vn)

**Lưu ý:** Trong trường hợp thí sinh thiếu một trong các loại hồ sơ nêu trên phải ghi rõ trong phiếu đăng ký danh mục những hồ sơ còn thiếu và phải bổ sung trước đợt xét tuyển.

### **2.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển;...**

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy hiện hành.

### **2.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển**

Thực hiện theo quy định hiện hành.

### **2.10. Học phí dự kiến đối với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)**

Sinh viên được miễn học phí khi học các ngành đào tạo giáo viên.

### **2.11. Các nội dung khác**

## **3. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng chính**

### **3.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:**

#### **3.1.1. Thống kê diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá**

- Tổng diện tích đất của trường : 32.472,4 m<sup>2</sup>
- Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu : 8.104 m<sup>2</sup>
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên : 500 chỗ

#### **3.1.2. Thống kê phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị**

<b>TT</b>	<b>Tên</b>	<b>Các trang thiết bị chính</b>
1	Phòng thực hành Âm nhạc	Đàn Casio, đàn Yamaha, Tivi, máy vi tính, ghitare thùng, loa vi tính, amly...
2	Phòng thực hành TĐTT	Nệm nhảy cao, xà nhảy, trống, cột và lưới bóng chuyền,..
3	Phòng thực hành Mầm non	Máy đĩa, tủ kính trưng bày, lavabo, ...
4	Phòng thực hành Sinh - Hóa	Bếp chung, bình định mức, bình hút ẩm chân không, cốc đong chịu nhiệt, nhiệt kế, bếp điện, bộ đồ mổ, cân điện tử,....

#### **3.1.3. Thống kê phòng học**

<b>TT</b>	<b>Loại phòng</b>	<b>Số lượng</b>
1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	01
2	Phòng học từ 100 – 200 chỗ	00
3	Phòng học từ 50 – 100 chỗ	03
4	Số phòng học dưới 50 chỗ	05
5	Số phòng học đa phương tiện	00

3.1.4. Thống kê về học liệu (sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

TT	Nhóm ngành đào tạo	Số lượng
1	Nhóm ngành I	- Sách: 355 tên /13.192 bản - Báo, tạp chí: 08 - Ebook TV số: 169 - Các VB pháp luật tại: Thư viện pháp luật
	Nhóm ngành II	
	Nhóm ngành III	
	Nhóm ngành IV	
	Nhóm ngành V	

3.1.5. Danh sách giảng viên cơ hữu

		Chức danh		Bằng tốt nghiệp cao nhất			
		PGS	GS	ĐH	ThS	TS	TSKH
<b>Nhóm ngành I</b>							
1	Phạm Thị Minh Hạnh					X	
2	Đặng Ngọc Hùng				X		
3	Trần Thị Thông				X		
4	Dương Thế Thuật				X		
5	Phạm Hồng Phượng				X		
6	Lê Hồng Phương				X		
7	Phạm Thị Ai Thùy			X			
8	Đỗ Thị Hoàng Xuân			X			
9	Hồ Thanh Quốc				X		
10	Phạm Hoàng Hải Ngọc				X		
11	Nguyễn Đình Hiền				X		
12	Trương Văn Chính				X		
13	Tống Thị Như Hòa			X			
14	Lương Hoàng Sinh				X		
15	Trần Hữu Đa			X			
16	Tạ Kim Anh				X		
17	Nguyễn Thị Thanh Xuân				X		
18	Trần Hữu Nghị				X		
19	Nguyễn Thị Hằng				X		
20	Trần Thị Thảo Trang			X			
21	Tô Thanh Vĩ			X			
22	Nguyễn Thị Thanh Liêm				X		
23	Ngô Lâm Nhật Khánh				X		
24	Huỳnh Thị Xuân Kiều			X			
25	Trần Thị Mai Lan			X			
26	Nguyễn Thị Kim Hồng				X		
27	Nguyễn Trần Linh Trang			X			

		Chức danh		Bằng tốt nghiệp cao nhất			
		PGS	GS	ĐH	ThS	TS	TSKH
28	Trịnh Thị Thủy Tiên			X			
29	Huỳnh Thị Yến Ngọc			X			
30	Đặng Thị Hiệp Định				X		
31	Trần Thị Trọng Lễ			X			
32	Ngô Trường Minh			X			
33	Nguyễn Văn Hải				X		
34	Bùi Thị Hồng Thắm				X		
35	Lê Thị Hồng Nhiên				X		
36	Trần Thị Ngọc Anh				X		
37	Trần Thị Loan Phương				X		
<b>Tổng của nhóm ngành</b>				<b>13</b>	<b>23</b>	<b>1</b>	
<b>Nhóm ngành II</b>							
<b>Nhóm ngành III</b>							
<b>Nhóm ngành IV</b>							
<b>Nhóm ngành V</b>							
<b>Nhóm ngành VI</b>							
<b>Nhóm ngành VII</b>							
<b>GV các môn chung</b>							
1	Trần Việt Dũng				X		
2	Võ Yên Hùng			X			
3	Nguyễn Văn Quế			X			
4	Nguyễn Văn Mạnh			X			
5	Bùi Quang Hùng			X			
6	Nguyễn Văn Bảo			X			
7	Ngô Hoài Minh			X			
8	Trần Thị Ngân Hà			X			
<b>Tổng của nhóm ngành</b>				<b>7</b>	<b>1</b>		
<b>Tổng giảng viên (đối với các ngành đào tạo giáo viên)</b>				<b>20</b>	<b>24</b>	<b>1</b>	

#### 4. Tình hình việc làm (thống kê cho 2 khóa tốt nghiệp gần nhất)

Nhóm ngành	Chỉ tiêu Tuyển sinh		Số SV trúng tuyển nhập học		Số SV tốt nghiệp		Trong đó số SV tốt nghiệp đã có việc làm sau 12 tháng	
	ĐH	CDSP	ĐH	CDSP	ĐH	CDSP	ĐH	CDSP
Nhóm ngành I		418		389		379		295
Nhóm ngành II								
Nhóm ngành III								
Nhóm ngành IV								



Nhóm ngành V							
Nhóm ngành VI							
Nhóm ngành VII							
<b>Tổng</b>		418		389		379	

### **5. Tài chính**

- Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường: Nguồn thu được cấp từ ngân sách nhà nước theo số lượng sinh viên mỗi năm học.

- Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh: 2.600.000 VNĐ/1 sinh viên/1 năm.

*Ngày 14 tháng 03 năm 2017*

**HIỆU TRƯỞNG**

**Đinh Lưu Vân**